FireAnt

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (HNX: PGS)

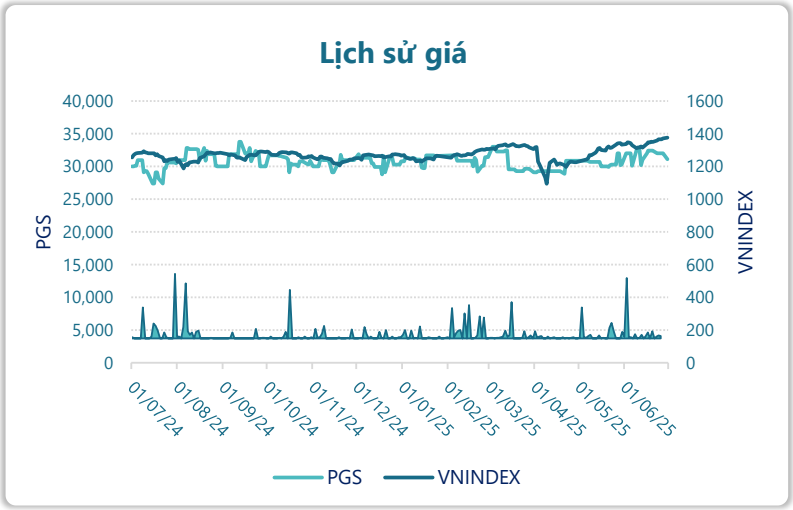

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,771
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,392
SL cổ phiếu LH	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,555
P/E	13.1
EPS	2,368

DT thuần

Q2/25

1,678

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 121| 7.8%

YoY: ▲ 66.0| 4.1%

LN sau thuế

Q2/25

35.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.10| 21.0%

YoY: ▲ 1.70| 5.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.7%

DT thuần

6T 2025

3,235

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 148| 4.8%

LN sau thuế

6T 2025

64.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.50| 3.9%

ROE

Q2/25

12.1%

+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh

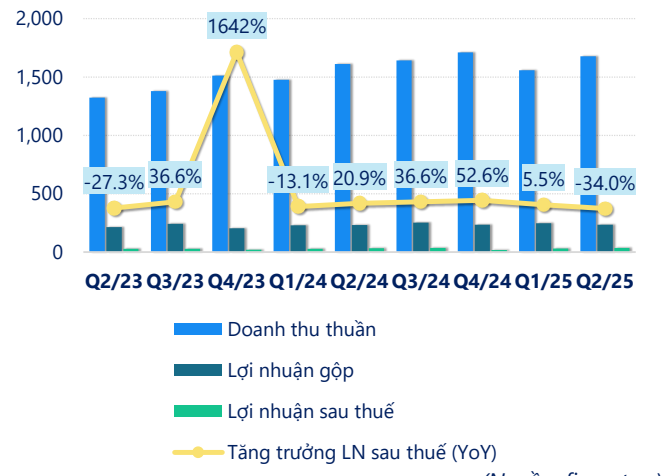

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

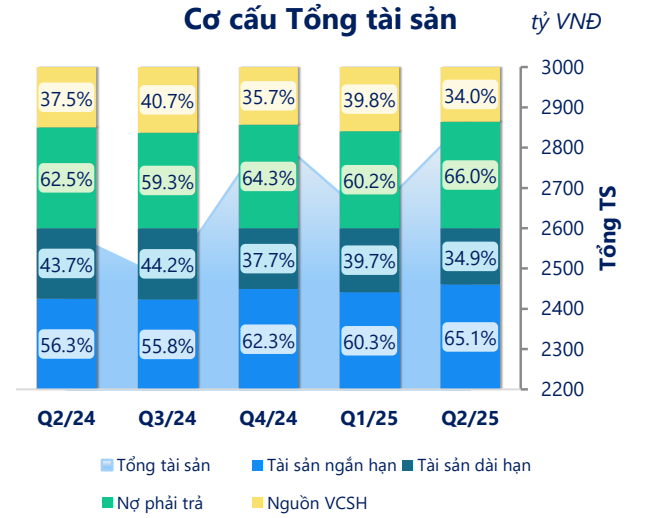

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

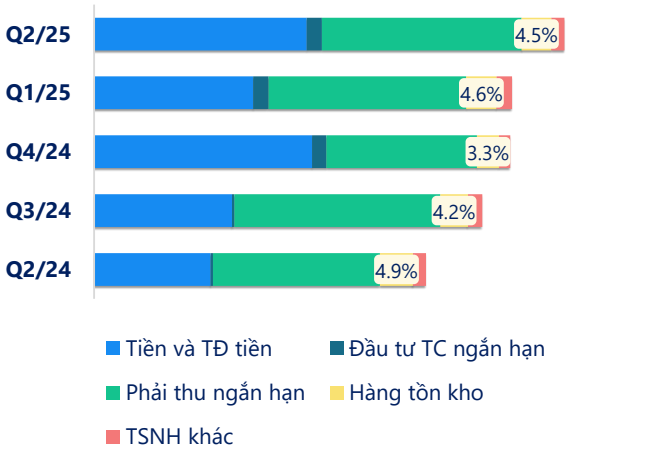

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

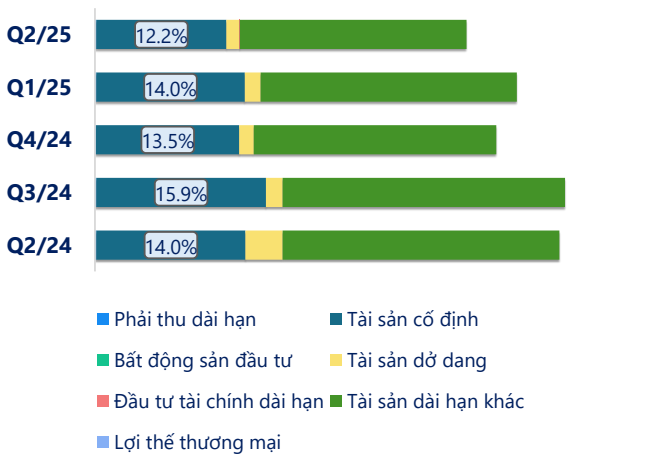

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

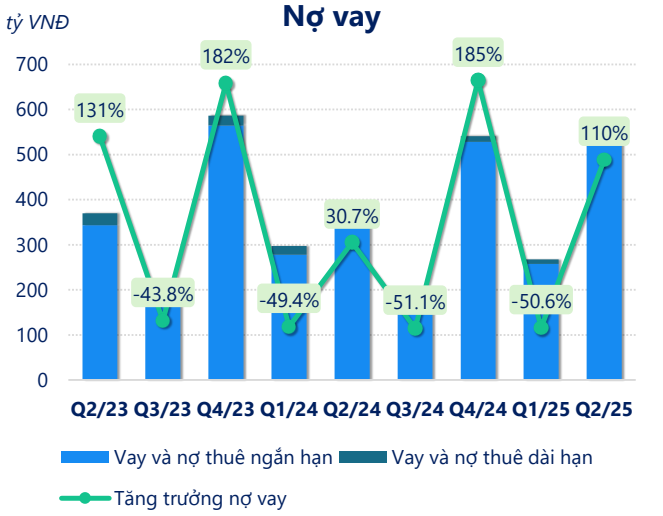

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

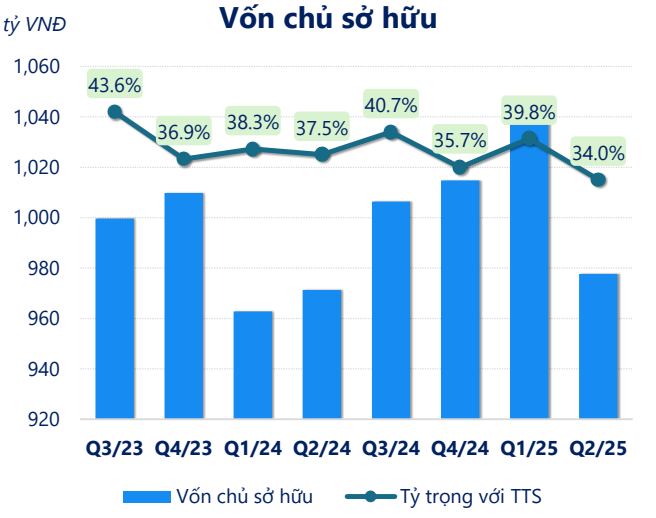

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

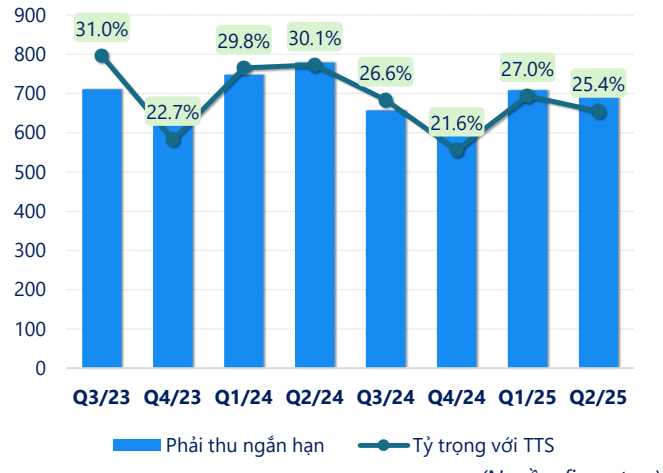

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

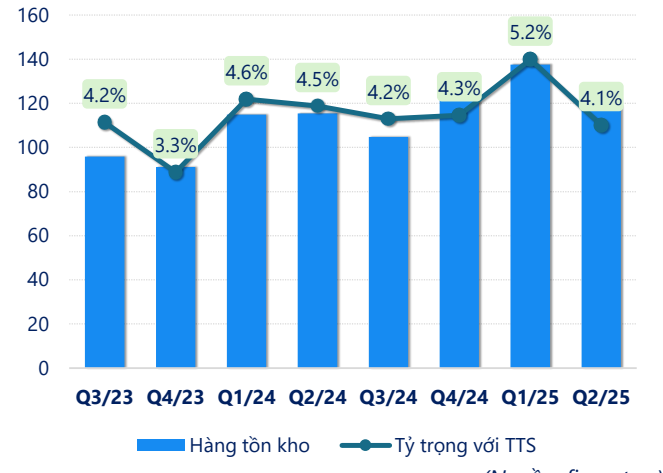

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

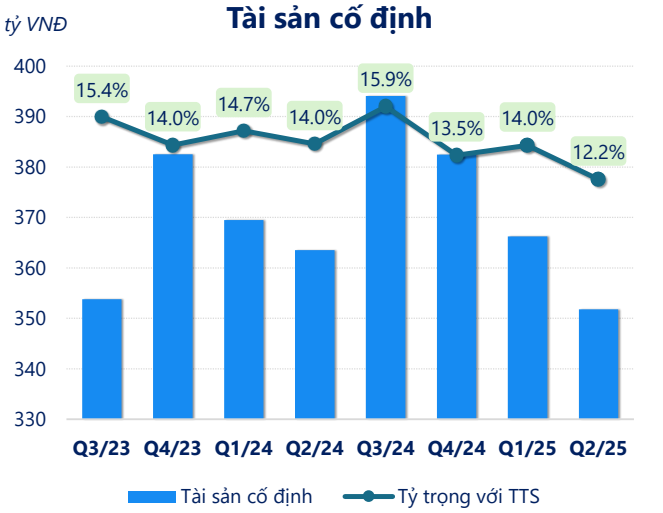

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

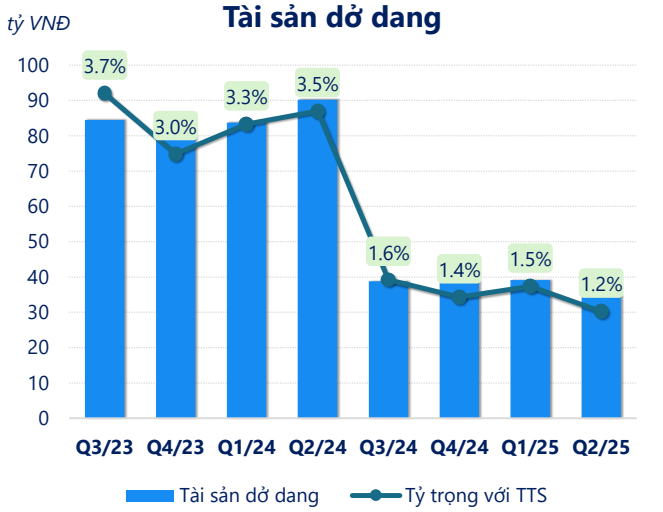

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

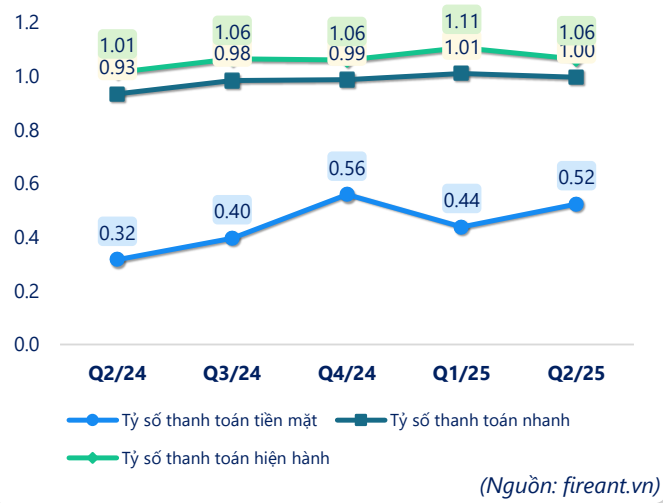

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

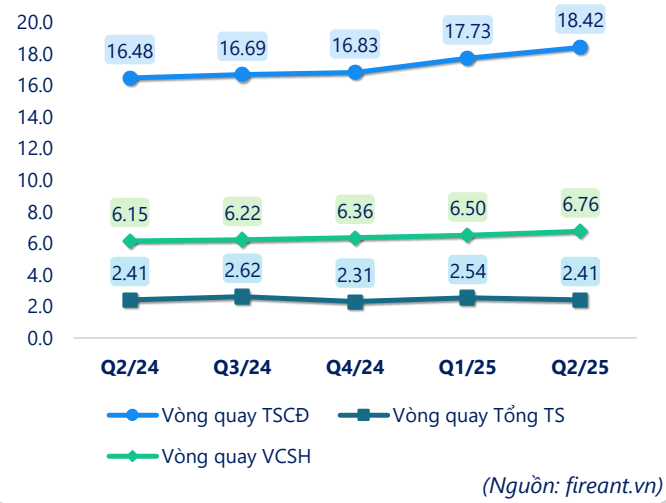

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,590**	**2,472**	**2,841**	**2,623**	**2,877**
Tài sản ngắn hạn	**1,459**	**1,379**	**1,769**	**1,583**	**1,872**
Tiền và tương đương tiền	455	513	932	627	921
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	58.5	58.5	58.6	58.0
Phải thu ngắn hạn	779	657	614	708	732
Hàng tồn kho	115	105	122	138	119
Tài sản ngắn hạn khác	51.6	46.1	42.8	51.0	41.7
Tài sản dài hạn	**1,131**	**1,093**	**1,072**	**1,041**	**1,005**
Phải thu dài hạn	3.25	3.24	3.24	3.24	3.78
Tài sản cố định	364	394	382	366	352
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	90.2	38.8	39.0	39.2	34.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	1.03
Tài sản dài hạn khác	674	657	647	632	614
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,619**	**1,466**	**1,827**	**1,580**	**1,900**
Nợ ngắn hạn	**1,438**	**1,295**	**1,668**	**1,431**	**1,760**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	371	175	529	257	552
Phải trả người bán ngắn hạn	754	804	849	853	879
Nợ dài hạn	180	171	158	149	140
Vay và nợ thuê dài hạn	16.9	14.5	12.1	9.68	7.26
Nguồn vốn chủ sở hữu	**971**	**1,006**	**1,015**	**1,044**	**978**
Vốn chủ sở hữu	**971**	**1,006**	**1,015**	**1,044**	**978**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)